

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:100/2019/HS - ST
Ngày: 20 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân G . T, T. N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân G . T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân G . T, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:103/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:105/2019/ QĐXXST- HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

L. C . K; sinh năm 1975, tại G . T, T. N; nơi ĐKNKTT: Xóm 11 xã Giao T ,huyện G, T. N; nơi cư trú: Xóm 9 xã Giao Tân, G . T, T. N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Công P, sinh năm 1934 và bà Vũ Thị T (đã chết); vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1981; có 02 con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2019 đến nay; hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an T. N; “có mặt”.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn T ; sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 4 xã Hoàn Sơn, G . T, T. N; “vắng mặt”.

- Anh Phạm Văn S ; sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Đạo Đ, thị trấn N, huyện T, T. N; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 07/8/2019, Nguyễn Văn Tđang đi bộ tại khu vực Ủy ban nhân dân xã Hoàn Sơn, G . T, tỉnh Nthì gặp Phạm Văn Sđi xe máy qua. Tnhờ Schở đến nhà L. C . K có việc. Khi đến nhà gặp K, Thỏi K mua 300.000 đồng heroine. K nhất trí và Tđưa cho K 300.000 đồng, K nhận tiền và đưa cho T02 gói heroine thì bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nphát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã thu giữ của T02 gói nhỏ được gói bằng giấy lịch bên trong các gói đều có chứa chất bột dạng cục màu trắng. Tkhai đó là 02 gói heroine vừa mua của K với mục đích để sử dụng cho bản thân được niêm phong ký hiệu M. Thu giữ của K: 300.000 đồng, K khai đó là tiền vừa bán 02 gói heroine cho Tmà có; 01 điện thoại Nokia đã cũ, 01 chứng minh nhân dân mang tên L. C . K. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định và bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an G . T để điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 07/8/2019, cơ quan điều tra Công an G . T đã tiến hành trưng cầu giám định đối với số ma túy thu giữ gửi đi giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 789/GĐKTHS ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nkết luận: “Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 (hai) gói nhỏ đều gói bằng giấy lịch được niêm phong ký hiệu M gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Tổng khối lượng mẫu M: 0,027gam”.

Tại bản cáo trạng số: 102/CT - VKS ngày 04/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân G . T truy tố bị cáo L. C . K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân G . T thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo L. C . K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L. C . K từ 30 tháng đến 36 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ của L. C . K. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo tỏ rõ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an G . T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân G . T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của người làm chứng; kết luận giám định số 789/GĐKTHS ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T. N; như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 07/8/2019, L. C . K đã có hành vi bán trái phép 02 gói heroine có tổng khối lượng 0,027gam cho Nguyễn Văn Tvới giá 300.000 đồng nhằm mục đích để bán kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân G . T truy tố L. C . K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, gia tăng tội phạm hình sự, xâm phạm tới đạo đức và sức khỏe con người nhưng vì hám lời bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời đáp ứng công tác phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, điều kiện kinh tế khó

khẩn vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của L. C . K do K bán ma túy mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; Đối với số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia đã cũ và 01 chứng minh nhân dân thu giữ của K. Xét đây là tài sản hợp pháp của K nên Cơ quan điều tra Công an G . T đã trả lại cho gia đình K là phù hợp.

[6] Về nguồn gốc số heroine L. C . K có để bán cho Nguyễn Văn Tuyên, K khai: khoảng 09 giờ ngày 07/8/2019, bị cáo đi bộ từ nhà, trên đường đi có đi nhờ xe máy của một người không quen biết tới khu vực chợ xã Giao Tiến mua 01 gói heroine với giá 300.000đồng của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó, bị cáo sử dụng một ít, số còn lại đem chia thành 02 gói bán cho T thì bị bắt. Quá trình điều tra không xác định được người đã bán số heroine trên cho K nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của L. C . K, cơ quan điều tra đã xử lý bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi mua heroine với mục đích sử dụng cho bản thân. Xét thấy, T là đối tượng nghiện ma túy, hành vi chưa đến mức phải xử lý bằng biện pháp xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra đã xử lý T bằng biện pháp hành chính là phù hợp.

Đối với Phạm Văn S đã có hành vi chở T đến nhà K mua heroine, xét thấy khi chở Tuyên, S không biết mục đích của T đến nhà K để mua heroine vì vậy vấn đề xử lý không đặt ra.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo L. C . K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt: Bị cáo L. C . K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thu giữ của L. C . K; Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật sau giám định (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự G . T, T. N).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo L. C. K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo L. C. K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. N;
- VKSND G. T;
- Chi cục THADS G. T;
- Trại tạm giam Công an T. N;
- Công an G. T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

